

PHỤ LỤC ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM ĐỀ NGHỊ MIỄN TRỪ

1. Sản phẩm công ty thứ nhất

- Tên gọi: Thép hợp kim mác thép SPFH590.
- Mục đích sử dụng: Thép cường độ cao dùng để sản xuất xe sơ mi rơ mooc, các loại xe chuyên dùng.
- Mã HS: 7208.54.90
- Đặc tính vật lý:
 - + Độ bền chảy: $YS \geq 420$ MPa
 - + Độ bền kéo: $TS \geq 590$ Mpa
- Thành phần hóa học: $C \leq 0,35\%$, $Si \leq 0,7\%$, $Mn \leq 1,7\%$, $P \leq 0,025\%$, $S \leq 0,01\%$
- Kích thước (Dày x rộng x dài(mm)): 2.5x1270x6290 và 2.8x1292x6290
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: Q/OHAC 812-2016

2. Sản phẩm công ty thứ hai

STT	Tên thương mại	Mã HS	Đặc tính vật lý	Thành phần hóa học	Mục đích sử dụng	Mô tả hàng hóa
1	Thép Cuộn CR300LA GI50/50	7210.49	Tensile strength: 410-510 Yield strength: 340-420 Elongation: 23% min	$C \leq 0.12$ $Si \leq 0.50$ $Mn \leq 1.4$ $P \leq 0.03$ $S \leq 0.025$ $Ti \leq 0.15$ V - $Nb \leq 0.09$	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nguội cường độ cao mạ kẽm.
						Kích thước: 1.5 mm x 150mm x coils.
						Kích thước: 1.5 mm x 124mm x coils.
						Kích thước: 1.5 mm x 80mm x coils.
						Kích thước: 1.5 mm x 105mm x coils.

2	Thép Cuộn Cán Nóng Hợp Kim Crom Cr420LA-GI50/50	7210.49	Tensile strength: 480-60 Yield strength: 420-520 Elongation: 17% min	C ≤ 0.12 Si ≤ 0.50 Mn ≤ 1.65 P ≤ 0.03 S ≤ 0.025 Ti ≤ 0.15 V: - Nb ≤ 0.09	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nóng hợp kim Cr420LA, P-O đã ngâm dầu tẩy gỉ, được cán phẳng, không sơn tráng phủ mạ
						Kích thước: 3.5 mm x 192 mm x 1219.
3	Thép Cuộn Cán Nóng Hợp Kim Crom S420MC-PO	7211.19	Tensile strength: ≥517 Mpa Yield strength: ≥365 Mpa Elongation: ≥33%	C: 0.18-0.23 Mn: 0.60-0.85 P: 0.03 S: 0.03 Si: 0.15-0.35 Cr: 0.9-1.2 Mo: 0.15-0.30	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nóng hợp kim S420MC, P-O đã ngâm dầu tẩy gỉ, được cán phẳng, không sơn tráng phủ mạ
						Kích thước: 3.5 mm x 1219 mm x coils.
4	Thép Cuộn CR420LA GI50/50	7210.49	Tensile strength: 480-60 Yield strength: 420-520 Elongation: 17% min	C: ≤ 0.12 Si: ≤ 0.50 Mn: ≤ 1.65 P ≤ 0.03 S ≤ 0.025 Ti ≤ 0.15 V: - Nb ≤ 0.09	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nguội cường độ cao mạ kẽm.
						Kích thước: 1.0 mm x 140mm x coils.
5	Thép Cuộn CR420LA GI50/50	7210.49	Tensile strength: 480-60 Yield strength: 420-520 Elongation: 17% min	C ≤ 0.12 Si ≤ 0.50 Mn ≤ 1.65 P ≤ 0.03 S ≤ 0.025 Ti ≤ 0.15 V: - Nb ≤ 0.09	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nguội cường độ cao mạ kẽm.
						Kích thước: 1.2 mm x 183mm x coils.
	Thép tấm S550MC-PO	7208.53	Tensile strength: 600-760 Yield strength: ≥550	C ≤ 0.12 Si ≤ 0.50 Mn ≤ 1.80 P ≤ 0.025 S ≤ 0.010 Ti ≤ 0.15	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Kích thước: 1.2 mm x 173mm x coils.
						Thép cuộn cán nóng hợp kim S550MC, P-O đã ngâm dầu tẩy gỉ, được cán phẳng, không sơn tráng phủ mạ

			Elongation: 12% Min	$V \leq 0.20$ $Nb \leq 0.09$		Kích thước: 3.0 mm x 660mm x1219
6	Thép tấm S550MC- PO	7211.19	Tensile strength: 600- 760 Yield strength: ≥ 550 Elongation : 12% Min	$C \leq 0.12$ $Si \leq 0.50$ $Mn \leq 1.80$ $P \leq 0.025$ $S \leq 0.010$ $Ti \leq 0.15$ $V \leq 0.20$ $Nb \leq 0.09$	Dùng để sản xuất phụ tùng ô tô xe máy	Thép cuộn cán nóng hợp kim S550MC, P-O đã ngâm dầu tẩy gỉ, được cán phẳng, không sơn tráng phủ mạ
						Kích thước: 3.0 mm x 226mm x1219
						Kích thước: 3.0 mm x 304mm x1219
						Kích thước: 3.0 mm x 382mm x1219
						Kích thước: 2.5 mm x 290mm x1219
						Kích thước: 1.5 mm x 430mm x1219

3. Sản phẩm của công ty thứ ba

3.1. Thép cán nóng vi hợp kim

- Mác thép: S420MC, S500MC, S550MC, S700MC
- Độ bền chảy: Mác thép S420MC: ≥ 420 MPa, Mác thép S500MC: ≥ 500 MPa, Mác thép S550MC: ≥ 550 MPa, Mác thép S700MC: ≥ 700 MPa
- Độ bền kéo: Mác thép S420MC: 480 - 620 MPa, Mác thép S500MC: 550 – 700 MPa, Mác thép S550MC: 600 – 760 MPa, Mác thép S700MC: 750 – 950 MPa.
- Độ giãn dài sau khi đứt:
 - + Mác thép S420MC: $\geq 16\%$
 - + Mác thép S500MC: $\geq 12\%$
 - + Mác thép S550MC: $\geq 12\%$
 - + Mác thép S700MC: $\geq 10\%$
- Thành phần hóa học: C: $\leq 0,12$; Si: $\leq 0,5$; P: $\leq 0,025$; S: $\leq 0,015$; Al: $\geq 0,015$; Nb: $\leq 0,09$; V: $\leq 0,20$

- + C: $\leq 0,12$
 - + Mn: Mác thép S420MC: $\leq 1,60$, Mác thép S500MC: $\leq 1,70$, Mác thép S550MC: $\leq 1,80$ và Mác thép S700MC: $\leq 2,10$
 - + Ti: Mác thép S420MC, S500MC, S550MC: $\leq 0,15$ và Mác thép S700MC: $\leq 0,22$
 - + Mo: Mác thép S700MC: $\leq 0,50$
 - + B: Mác thép S700MC: $\leq 0,005$
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật:
 - + VDA 239-100 (Tiêu chuẩn của Hiệp hội ngành ô tô Đức về thép tấm tạo hình cán nguội - Sheet steel for cold forming); và
 - + Tiêu chuẩn riêng của VinFast – VFDST00005010
 - Mã HS: 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.99, 7211.14.16, 7211.19.13, 7225.30.90, 7226.91.10
 - Mục đích sử dụng của sản phẩm: dùng để chế tạo sản xuất thân, vỏ ô tô
- 3.2. Thép cán nóng dạng tấm, dải cho các ứng dụng trong cấu trúc ô tô**
- Mác thép: SAPH440
 - Độ bền chảy:
 - + Độ dày dưới 6,0mm: $\geq 305 \text{ N/mm}^2$
 - + Độ dày từ 6,0mm – 8,0mm: $\geq 295 \text{ N/mm}^2$
 - + Độ dày từ 8,0mm – 14,0mm: $\geq 275 \text{ N/mm}^2$
 - Độ bền kéo: $\geq 440 \text{ N/mm}^2$
 - Độ giãn dài sau khi đứt:
 - + Độ dày 1,6mm – 2,0mm: $\geq 29\%$
 - + Độ dày 2,0mm – 2,5mm: $\geq 30\%$
 - + Độ dày 2,5mm – 3,15mm: $\geq 32\%$
 - + Độ dày 3,15mm – 4,0mm: $\geq 33\%$
 - + Độ dày 4,0mm – 6,3mm: $\geq 34\%$

- + Độ dày 6,3mm – 14,0mm: $\geq 35\%$
- Thành phần hóa học: P: $\leq 0,04$ và S: $\leq 0,04$
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: VDA 239-100 và JIS G3113
- Mã HS: 7208.26.00, 7208.27.99, 7211.19.13
- Mục đích sử dụng của sản phẩm: dùng để chế tạo sản xuất thân, vỏ ô tô

3.3. Thép cán nóng cường độ cao chuyên dụng trong sản xuất phụ kiện ô tô

- Mác thép: SPFH590
- Độ bền chảy: 420 N/mm²
- Độ bền kéo: ≥ 590 N/mm²
- Độ giãn dài sau khi đứt:
 - + Độ dày 1,6mm – 2,0mm: $\geq 19\%$
 - + Độ dày 2,0mm – 2,5mm: $\geq 20\%$
 - + Độ dày 2,5mm – 3,25mm: $\geq 21\%$
 - + Độ dày 3,25mm – 6,0mm: $\geq 22\%$
- Thành phần hóa học: P: $\leq 0,04$ và S: $\leq 0,04$
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: VDA 239-100 và JIS G3134
- Mã HS: 7208.27.99, 7211.19.13, 7225.30.90, 7226.91.10
- Mục đích sử dụng của sản phẩm: dùng để chế tạo sản xuất thân, vỏ ô tô

3.4. Thép cán nóng cường độ cao chuyên dụng trong sản xuất phụ kiện ô tô

- Mác thép: SPHC
- Độ bền kéo ≥ 270 N/mm²
- Độ giãn dài sau khi đứt:
 - + Độ dày 1,2mm – 1,6mm: $\geq 27\%$
 - + Độ dày 1,6mm – 3,2mm: $\geq 29\%$

- + Độ dày từ 3,2mm trở lên: $\geq 31\%$
- Thành phần hóa học: - C: $\leq 0,12$; Mn: $\leq 0,60$; P: $\leq 0,045$; S: $\leq 0,035$
- Tiêu chuẩn kỹ thuật: VDA 239-100 và JIS G3131
- Mã HS: 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.54.90, 7225.30.90
- Mục đích sử dụng của sản phẩm: dùng để chế tạo sản xuất thân, vỏ ô tô